

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 19- 8-2020.

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- *T.Hnh phn Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sỹ.

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Phong

Bà Đỗ Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tHnh phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1985.

HKTT: Số 61, Hoàng Tam Kỳ, tổ 13 (cũ là tổ 3), khu phố 6, phường Lo, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1986.

HKTT: Số 61, Hoàng Tam Kỳ, tổ 13 (cũ là tổ 3), khu phố 6, phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Chung cư Lan Phương, số 104 Hồ Văn Tư, phường T, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Quốc H – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa của ông Nguyễn Quốc H:*

Ông và bà Lê Thị Thanh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, TP. B, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột. Mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông và bà H đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông xin được ly hôn với bà H để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hà Minh G, sinh ngày 16/01/2011 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 02/01/2014. Kể từ khi ông và bà H sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2018 đến nay thì cháu Giang đang ở với ông cùng ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu Phong do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (bà H và cháu Phong ở quận T, TP. Hồ Chí Minh). Ly hôn ông xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phong và đồng ý giao cháu Giang cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, lời trình bày tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa của bà Lê Thị Thanh H:*

Bà và ông Nguyễn Quốc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 08 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, nhưng chủ yếu là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu, dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột. Do mâu thuẫn không thể giải quyết được nên bà và ông H đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, cả về tình cảm lẫn kinh tế. Bản thân bà xác định vẫn còn tình cảm với ông H và vì các con, nên bà không muốn ly hôn. Tuy nhiên, nếu ông H cương quyết xin ly hôn và Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, thì bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hà Minh G, sinh ngày 16/01/2011 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 02/01/2014. Nếu ly hôn, tại các buổi làm việc trước đây thì bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu không được thì tùy ông H quyết định (ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con, cháu còn lại do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng) và tạm thời bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, vì không muốn chia rẽ tình cảm chị em của 02 con, bản thân cháu gái là Nguyễn Hà Minh G có bản tự khai trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ (nếu phải ly hôn), còn cháu Nguyễn Minh P còn nhỏ và kể từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau (khoảng tháng 09 năm 2018) đến nay do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy tại buổi hòa giải ngày 08/01/2020 và tại phiên tòa hôm nay bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc H được ly hôn với bà Lê Thị Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà Minh G, sinh ngày 16/01/2011 và cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 02/01/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.500.000đ/tháng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng/tháng) cho đến khi cháu Giang, cháu Phong trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/3/2020, bị đơn ông Nguyễn Quốc H nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 02/01/2014 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Hà Minh G, sinh ngày 16/01/2011 cho bà H nuôi dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Khi ly thân, cháu Phong do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Giang do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo tài liệu thu thập được, cháu Phong phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cháu Giang lại có nguyện vọng được ở với bà H. Xét về điều kiện thời gian để chăm sóc con chung, thì ông H gặp khó khăn hơn bà H. Vì vậy cấp sơ thẩm giao cả hai con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Kháng cáo của ông H không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo. Tuy nhiên,

khi giải quyết về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án về áp dụng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Quốc H kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Quốc H kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Minh Phong, sinh ngày 02/01/2014 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Hà Minh G, sinh ngày 16/01/2011 cho bà H nuôi dưỡng.

Nhận thấy: Việc các đương sự yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cả về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Xét về điều kiện để nuôi dưỡng con chung:

Đối với ông H, ông có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đang sinh sống cùng nh với bố mẹ tại phường Long Bình.

Đối với bà Lê Thị Thanh H, hiện bà đang sống cùng cháu Phong tại phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H hiện là cán bộ trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh với mức thu nhập là 24.000.000 đồng mỗi tháng.

Như vậy, ông H và bà H đều có đủ khả năng, điều kiện kinh tế để nuôi các con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các bên đương sự đều thừa nhận: Ông H và bà H đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay; trong khoảng thời gian sống ly thân cháu G sống cùng ông H tại B, còn cháu Phong do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu Phong học tại Trường Mầm non Mai Anh, nhận xét cuối năm học

2018-2019 của giáo viên chủ nhiệm về thể lực và tâm lý đều phát triển tốt. Do đó, không nên làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của cháu Phong. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ghi nhận ý kiến của cháu Giang trong trường hợp ông H và bà H ly hôn, cháu Giang có nguyện vọng sống cùng với mẹ (bút lục 23). Vì vậy, cần tôn trọng nguyện vọng của cháu Giang. Cảnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H còn trình bày, sau khi xét xử sơ thẩm, cháu Giang đã về sống chung với bà và cháu Phong, cuộc sống ba mẹ con ổn định, tâm lý các cháu phát triển tốt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất các con chưa tHnh niên, nên việc giao cháu Giang và cháu Phong cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ các nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của ông H là không có cơ sở xem xét.

Ông H và bà H kết hôn năm 2009, nhưng khi giải quyết về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần sửa một phần bản án về áp dụng pháp luật.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên ông H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc H; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B về áp dụng pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc H được ly hôn với bà Lê Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà Minh G, sinh ngày 16/01/2011 và cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 02/01/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.500.000đ/tháng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng/tháng) cho đến khi cháu Giang, cháu Phong trưởng thành và có khả năng lao động theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng, theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí HNGĐ-ST: Ông Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 001186 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, ông H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

4. Về án phí HNGĐ-PT: Ông Nguyễn Quốc H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nên được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008988 ngày 03/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Sỹ

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp B;
- Chi cục THA-DS Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Sỹ